|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH QUẢNG TRỊ**  Số: /ĐA-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quảng Trị, ngày tháng 6 năm 2020* |

Dự thảo

**ĐỀ ÁN**

**Chính sách đặc thù hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại**

**Trung tâm Phụcvụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025**

# 

# Phần thứ nhất:

# SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

**I. SỰ CẦN THIẾT**

Trong những năm gần đây công tác cải cách hành chính (CCHC) của tỉnh Quảng Trị đã đạt được nhiều kết quả. Số lượng thủ tục hành chính (TTHC) được cắt giảm, trình tự thực hiện được công khai cụ thể, rõ ràng, thời gian giải quyết TTHC được rút ngắn, hồ sơ, bảng biểu được mẫu hóa... giúp tiết kiệm thời gian, kinh phí và giảm sự phiền hà cho người dân, tổ chức.Việc ứng dụng công nghệ thông tin và hiện đại hóa nền hành chính được đẩy mạnh. Tổ chức bộ máy được kiện toàn theo hướng tinh gọn, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả. Chế độ công vụ, công chức được cải cách theo hướng nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm, nâng cao chất lượng phục vụ người dân của đội ngũ cán bộ, công chức... Tuy nhiên, chỉ số PCI (chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh), chỉ số PAR-INDEX (chỉ số cải cách hành chính) của tỉnh Quảng Trị vẫn chưa được cải thiện nhiều hơn trên bảng xếp hạng các tỉnh thành trên toàn quốc. Vẫn còn nhiều nội dung thuộc mối quan hệ công dân và cơ quan hành chính tỉnh còn bị người dân đánh giá chưa tốt, cần cải thiện.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về CCHC của Chính phủ, nhu cầu, nguyện vọng của người dân và cải thiện vị thứ của tỉnh trong bảng xếp hạng CCHC PAR INDEX của Bộ Nội vụ, việc xây dựng đề án để đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Trung tâm PVHCC) và bộ phận Một cửa cấp huyện, xã - Giai đoạn 2021-2025hướng tới nền hành chính phục vụ, hiện đại, chuyên nghiệp và hiệu quả trong hoàn cảnh hiện nay là rất cần thiết.

# II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

## 1. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

- Nghị quyết số 832/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị;

- Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020; Nghị quyết số [76/NQ-CP ngày 13/6/2013](http://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=76/NQ-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=13/6/2013&eday=13/6/2013)của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về chính phủ điện tử;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương Đảng khóa XII về Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

- Nghị định số [63/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=63/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; Nghị định số [48/2013/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=48/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 14/5/2013 và Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

- Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 15/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh;

- Kế hoạch số 84-KH/TU ngày 27/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII;

- Kế hoạch số 86-KH/TU ngày 07/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII;

- Quyết định số [2057/QĐ-UBND ngày 30/8/2016](http://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=2052/Q%C4%90-UBND&match=True&area=2&lan=1&bday=20/10/2015&eday=20/10/2015)của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnhVề việc quy định chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Về việc thông qua kế hoạch tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2020;

- Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 28/01/2019của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành Quy chế phối hợp giữa Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong giải quyết thủ tục hành chính có cá nhân, tổ chức.

## 2. Căn cứ thực tiễn

Thực hiện Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị đã ban hành Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 về việc quy định chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân (UBND) huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong đó đã quy định hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới và cải tạo nâng cấp phòng làm việc Bộ phận và trả kết quả tại UBND cấp xã, cấp huyện; quy định số lượng và mức phụ cấp cho công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cấp xã mức phụ cấp hàng tháng là 300.000 đồng/người.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và căn cứ vào quy định tại khoản 14, Điều 2 Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính về quy định việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về việc quy định chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, trong đó đã quy định số lượng và mức hỗ trợ như sau “a) Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Ban Quản lý khu Kinh tế tỉnh: không quá 02 người/đơn vị. b) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: không quá 03 người/đơn vị. Đối với đơn vị thực hiện cơ chế một cửa liên thông hiện đại: từ 5-7 người/đơn vị (được quy định cụ thể cho từng đơn vị trong Quyết định phê duyệt Đề án). c) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: không quá 04 người/đơn vị. Riêng ở những phường, thị trấn nơi có nhiều giao dịch: không quá 5 người/đơn vị”. Kinh phí phụ cấp hỗ trợ với mức 300.000đ/ người/tháng.

Ngày 23/4/2018 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, theo đó Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương hết hiệu lực và ngày 10/5/2019Bộ Tài chính ban hành Thông tư số [26/2019/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-26-2019-tt-btc-2019-quyet-toan-kinh-phi-bao-dam-cong-tac-cai-cach-hanh-chinh-nha-nuoc-414933.aspx) hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước thay thế Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính trong đó không quy định việc hỗ trợ phụ cấp kinh phí cho người làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận Một cửa- tên gọi theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP).***Như vậy***, Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 497/QĐ- UBND ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về việc quy định chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trịcần được thay thế và bãi bỏ.

Theo quy định tại Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước(Khoản 3, Điều 21. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách, quy định: "Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp.

Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định ban hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan chế độ chi ngân sách đặc thù ở địa phương để tổng hợp và giám sát việc thực hiện").

Theo các quy định trên, để thực hiện chế độ phụ cấp (đặc thù) cho cán bộ, công chức, lao động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã của tỉnh Quảng Trị, thì UBND tỉnh Quảng Trị sẽ xây dựng Đề án và dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh ban hành, gửi xin ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp.

# III. THỰC TRẠNG, HẠN CHẾ VÀ KHÓ KHĂN

## 1. Thực trạng việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2019

Thực hiện Nghị định 61/2018/NĐ-CPngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;Thông tư số 01/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các kế hoạch, văn bản hướng dẫn, tổ chức, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh. Cụ thể đã thành lập và khai trương đưa vào hoạt động Trung tâm PVHCC tỉnh, tập trung bộ phận một cửa của 18 sở, ban ngành và 02 cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn (Bảo hiểm xã hội tỉnh và Phòng Cảnh sát PCCC, Công an tỉnh) thực hiện TN&TKQ hồ sơ TTHC tại Trung tâm với 1402 TTHC cấp tỉnh; Bộ phận Một cửa hồ sơ TTHC của 9/10 huyện, thị xã, thành phố; 141/141 xã, phường, thị trấn đã ban hành Quy chế hoạt động, bố trí công chức, viên chức, đầu tư kinh phí để xây dựng mới hoặc cải tạo trụ sở, phòng làm việc, mua sắm các trang thiết bị phục vụ hoạt động của Bộ phận Một cửa, đồng thời tổ chức thực hiện tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông với 243 TTHC cấp huyện; 90 TTHC cấp xã.

Các cơ quan của Trung ương tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh: Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 11 cơ quan hành chính nhà nước Trung ương tổ chức theo ngành dọc. Trên cơ sở hướng dẫn và bộ TTHC của Bộ ngành chủ quản, theo tính chất đặc thù của từng cơ quan, về cơ bản các cơ quan ngành dọc đã thực hiện việc niêm yết công khai bộ TTHC, tiếp nhận và trả kết quả TTHC cho tổ chức và công dân theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Trong đó có hai cơ quan đã phối hợp, triển khaithực hiện TN&TKQhồ sơ TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công làPhòng Cảnh sát PCCC, Công an tỉnhthực hiện 12 TTHCvà Bảo hiểm xã hội tỉnh thực hiện 08 TTHC.

Công tác tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua luôn được lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Trình độ, ý thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện TN&TKQngày càng được nâng cao và đi vào nề nếp. Hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ cho cán bộ, công chức và cá nhân, tổ chức trong giải quyết TTHC được đáp ứng cơ bản đầy đủ; Người dân ngày càng tin tưởng và sử dụng nhiều dịch vụ công do nhà nước cung cấp.100% cơ quan hành chính nhà nước các cấp đều áp dụng phần mềm một cửa điện tử để tiếp nhận, số hóa hồ sơ TTHC, luân chuyển, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC cho cá nhân, tổ chức đúng quy định; thông qua phần mềm MCĐT giúp các cơ quan, đơn vị quản lý giám sát được thời gian giải quyết hồ sơ TTHC, hạn chế việc trả kết quả quá hạn, đồng thời giúp cá nhân, tổ chức theo dõi được tiến độ giải quyết TTHC của cơ quan hành chính nhà nước.

Việc công bố đầy đủ Danh mục TTHC tiếp nhận trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh Tính đến tháng 6 năm 2020, trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị đang cung cấp 245 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4. Trong đó, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 cấp tỉnh là 104, cấp huyện là 31 và cấp xã là 11. Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cấp tỉnh là 89 và cấp huyện là 11; công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Cổng dịch vụ công của tỉnh và xây dựng 1.703 quy trình nội bộ giải quyết TTHC để số hóa thành quy trình điện tử trên cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị tại địa chỉ *dichvucong.quangtri.gov.vn (số liệu tính đến ngày 06/11/2019)* được tỉnh quan tâm thực hiện tốt.Hiện nay tỷ lệ giải quyết hồ sơ và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính của tỉnh ta của cả 3 cấp luôn đạt trên 97%

Số lượng hồ sơ thủ tục hành chính các cơ quan hành chính nhà nước phải tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả qua các năm của tirh ta ngày cảng tăng, cụ thể: Năm 2015, 3 cấp chỉ tiếp nhận 349,057 hồ sơ, năm 2019, 3 cấp tiếp nhận 561,550 hồ sơ, tăng 160,8% (*Xem Bảng: Thống kê số hồ sơ TTHC tiếp nhận các năm*).

**Bảng: Thống kê số hồ sơ tiếp nhận hồ sơ TTHC các năm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp\Năm** | **Năm 2015** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** |
| Cấp tỉnh | 48,219 | 92,978 | 64,096 | 59,747 | 66,119 |
| Cấp huyện | 63,676 | 64,066 | 45,571 | 34,899 | 46,704 |
| Cấp xã | 237,162 | 370,749 | 441,091 | 269,698 | 448,727 |
| **Tổng** | **349,057** | **527,793** | **550,758** | **364,344** | **561,550** |

(Năm 2019, các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tiếp nhận 561.550hồ sơ; đã giải quyết, trả kết quả đúng hạn và trước hạn 550.054442.022 hồ sơ (đạt 97,95%).

**2. Số lượng cán bộ công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã**:

Theo quy định của Quyết định 497/QĐ-UBND ngày ngày 20/3/2017 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về việc quy định chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị: Mức hỗ trợ là 300.000đ/người/tháng và số lượng được hưởng phụ cấp như:

## - Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Ban Quản lý khu Kinh tế tỉnh: không quá 02 người/đơn vị: 20 cơ quan x 2 người = 60 người

## (Công chức, viên chức, người lao động của Trung tâm phục vụ hành chính công (thuộc biên chế của Văn phòng UBND tỉnh) chưa được hưởng phụ cấp trên).

- UBND các huyện, thị xã, thành phố: không quá 3 người/1 đơn vị. Riêng thành phố Đông Hà bố trí từ 5-7 người:

8 đơn vị x 3 + 1 đơn vị x 7 = 31 người

- UBND xã, phường thị trấn bố trí không quá 4 người/1 đơn vị. Riêng những phường, thị trấn nơi có nhiều giao dịch: không quá 5 người/đơn vị (tại thời điểm trước ngày 31/12/2019 tỉnh Quảng Trị có 141 xã, phường thị trấn):

+ Phường, thị trấn bố trí 5 người: 13 đơn vị x 5 = 65 người

+ Xã, phường, thị trấn còn lại: 128 đơn vị x 4 = 512 người.

Thực hiện Quyết định số 832/QĐ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị còn lại 125 đơn vị hành chính cấp xã (9 phường, 11 thị trấn). Về phân loại đơn vị hành chính cấp xã: Loại 1: 22 đơn vị, loại 2: 74 đơn vị, loại 3: 29 đơn vị.

## 3. Hạn chế và khó khăn.

Mặc dù nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo tỉnh và sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành, địa phương và người dân nhưng công tác TN&TKQTTHC tại cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường còn gặp nhiều bất cập và khó khăn. Cụ thể như sau:

- Số lượng hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận và tar kết quả các năm tăng cao cán bộ, công chức Bộ phận Một cửa các cấp phải làm việc khá vất vả, trong khi lương, phụ cấp thấp; yêu cầu về thái độ phục vụ cho người dân và doanh nghiệp cao...

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc cho Bộ phận Một cửa tuy đã được trang bị, nhưng chưa đồng bộ. Bộ phận Một cửahuyện, thị xã, thành phố đặc biệt xã, phường, thị trấn còn thiếu nhiều thiết bị công nghệ thông tin để phục vụ công việc và số hóa thành phần hồ sơ TTHC. Trong khi việc số hóa, cập nhật phần mềm điện tử là bắt buộcnhằm đẩy mạnh giải quyết TTHC trên môi trường mạng đang rất cấp thiết, nhưng hầu hết các bộ phận Một cửacấp huyện, cấp xã, không có máy Scantốc đọ cao, kết nối và đường truyền còn hạn chế, do đó tỉ lệ số hóa và hồ sơ phát sinh trực tuyến không cao, ảnh hưởng đến chỉ số CCHC của tỉnh

- Tại Trung tâm PVHCC tỉnh tuy đã được đầu tư cơ bản, nhưng thiếu một số thiết bị như máy quét mã vạch, máy phục vụ công tác tra cứu hồ sơ, TTHC. Ngoài ra, công chức bộ phận Một cửa (sau đây gọi tắt là cán bộ một cửa "CBMC") tại Trung tâm vẫn phải dùng chung máy in và máy scan làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết TTHC cho người dân.Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hiện đang thuê trụ sở Bưu điện Thành phố Đông Hà làm nơi Tiếp nhận và trả kết quả TTHC của người dân và doanh nghiệp, thiếu chỗ làm việc, nơi tiếp không có khuôn viên và chỗ đỗ xe nên khách đến giao dịch thường đỗ xe ra lòng lề đường, ảnh hưởng đến trật tự giao thông đô thị.

Tại cấp huyện, thị xã, thành phố, do điều kiện khó khăn nên mặt bằng của bộ phận Một cửa cấp huyện, thị xã, thành phố cũng chưa thực sự khang trang và rộng rãi, mới chỉ đáp ứng nhu cầu cơ bản trong việc tiếp dân và doanh nghiệp đến làm thủ tục. Khi có những đột biến tăng về số lượng người dân đến làm TTHC, mặt bằng hiện tại sẽ không đáp ứng được.

- Chế độ đãi ngộ khuyến khích đối với công chức, viên chức bộ phận Một cửa cấp tỉnh, huyện và xã chưa đáp ứng nhu cầu.Tại Trung tâm PVHCC tỉnh chưa có quy định về chế độ đãi ngộ cho công chức, viên chức bộ phận Một cửa. Những công chức, viên chức là những người chịu nhiều áp lực trong công việc cũng như chịu nhiều thiệt thòi nên cần xem xét chế độ đãi ngộ, khuyến khích. Cụ thể, họ trực tiếp tiếp xúc với người dân và doanh nghiệp. Cách thức xử lý công việc, thái độ phục vụ của những công chức, viên chức này chính là đại diện cho các cơ quan hành chính nhà nước. Nếu ứng xử và thái độ phục vụ đúng mực, lịch sự thì người dân và doanh nghiệp sẽ có cảm tình nhiều với chính quyền, cơ quan nhà nước. Ngược lại, chỉ cần một hành vi vô tình không đúng mực sẽ làm phật lòng người dân hoặc có thể bị đưa lên mạng xã hội để chỉ trích, gây ảnh hưởng xấu đến chính quyền. Về quyền lợi, khi biệt phái đến làm việc tại Trung tâm PVHCC tỉnh, số cán bộ này chịu nhiều thiệt thòi do bị hạn chế mối quan hệ với các đồng nghiệp khác tại cơ quan chủ quản, ít được tham gia các hoạt động đoàn thể tại cơ quan nên vô tình bị tách biệt ra khỏi cơ quan, đơn vị.

Trong năm 2020, thực hiện Quyết định 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ, một số TTHC của BCH Quân sự tỉnh, Công an tỉnh và Bảo hiểm xã hội tỉnh sẽ đưa ra Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và bộ phận Một cửa các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện. Trong nhóm TTHC này có TTHC cấp chứng minh nhân dân nên dự kiến số lượng người dân đến giao dịch sẽ tăng cao. Với điều kiện về trụ sở và trang thiết bị của bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phụcvụ hành chính công tỉnh và bộ phận TN&TKQ tại cấp huyện, thị xã, thành phố như hiện nay chắc chắn sẽ không đáp ứng được nhu cầu đảm bảo chất lượng phục vụ người dân. Vì vậy, về lâu dài, nhu cầu mở rộng mặt bằng đón tiếp, làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và các bộ phận Một cửa cấp huyện, thị xã, thành phố là rất cần thiết.

Hiện nay, các tỉnh, thành phố trong cả nước cũng đã ban hành Đề án, Nghị quyết HĐND cấp tỉnh quy định chính sách đặc thù hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận một cửa mức từ 400.000 đồng đến 2.000.000 đồng/người/tháng(ví dụ: Tỉnh Hưng yên: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công 1.000.000đ/người/tháng; cấp huyện 700.000 đ, cấp xã 500.000 đ ngoài ra hỗ trợ may sắm trang phục: cấp tỉnh và cấp huyện 2.800.000 đ/người/năm, cấp xã 1.400.000 người/người/năm. Tỉnh Quảng Ninh: cán bộ được cử đến Trung tâm phục vụ hành chính công được hỗ trợ 2.000.000đ/người/tháng ... ).

**Phần thứ hai:**

# NỘI DUNG ĐỀ ÁN

# I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

## 1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng đền án trình HĐND tỉnh ban hành"Chính sách đặc thù hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025".

## 2. Mục tiêu cụ thể

+ Nâng cao vai trò, trách nhiệm của công chức, viên chức bộ phận Một cửa các cấp cũng như bộ phận chuyên môn thông qua việc ban hành cơ chế chính sách động viên, khuyến khích cũng như chế tài phê bình trong công tác TN&TKQ, giải quyết TTHC. Sắp xếp lại bộ máy của TTPVHCC tỉnh cũng như Bộ phận Một cửa cấp Huyện, thị xã, thành phố để nâng cao hơn nữa hiệu quả công việc.

+ Cải thiện, nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với cơ quan hành chính tỉnh Quảng Trị; nâng cao ý thức, trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ công chức, viên chức;Tăng cường công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính tỉnh.

+ Cải thiện, nâng cao các chỉ số CCHC (PAR Index), PAPI, PCI, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Phấn đấu đưa các điểm chỉ số thành phần trong chỉ số PCI của tỉnh lên điểm số khá, tốt và thành phần chất lượng phục vụ tại Bộ phận Một cửa trong chỉ số CCHC cấp tỉnh đạt điểm tối đa.

+ 100% TTHC áp dụng trên địa bàn tỉnh được giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tập trung, thống nhất một đầu mối. Việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả các hồ sơ TTHC được kiểm tra, giám sát chặt chẽ, đảm bảo đúng quy định.

+ TTPVHCC tỉnh, bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã ngoài nhiệm vụ TN&TKQ giải quyết TTHC thực hiện thêm vai trò hỗ trợ tư vấn các vấn đề liên quan đến TTHC.

+ Công chức, viên chức làm việc tại bộ phận Một cửa giỏi về chuyên môn, nắm vững các yêu cầu về TTHC, thành thạo các kỹ năng tư vấn hướng dẫn cho công dân, tổ chức liên quan đến TTHC; kết quả giải quyết hồ sơ TTHC đúng hạn cao.

+ Bộ phận Một cửahồ sơ TTHC được trang bị đầy đủ các trang thiết bị CNTT hiện đại, đảm bảo tiện nghi phục vụ cá nhân, tổ chức đến giao dịch; phần mềm MCĐT tỉnh, Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh được nâng cấp với các tính năng phù hợp, hỗ trợ tra cứu, nộp hồ sơ trực tuyến mức độ cao và chuyển xử lý hồ sơ trên mạng thuận lợi và nhanh chóng; hoàn thiện dữ liệu về TTHC; cung cấp nhanh số liệu thống kê, tình hình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ của các tổ chức, cá nhân, giúp cho công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh được thông suốt.

## 3. Đối tượng, mức hỗ trợ phụ cấp, phạm vi và thời gian áp dụng

3.1. Đối tượng:

Công chức, viên chức, lao động làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Công chức, viên chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh được cử đến làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và cán bộ, công chức Bộ phậnMột cửa (tiếp nhận & trả kết quả) cấp huyện và cấp xã.

3.2. Số lượng và mức hỗ trợ phụ cấp:

3.2.1. Hỗ trợ công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh với mức phụ cấp 600.000 đồng/người/tháng. Số lượng theo biên chế được giao cho Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.2.2. Công chức, viên chức là biên chế của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh với mức phụ cấp 600.000 đồng/người/tháng. Số lượng mỗi sở, ban, ngành 01 người. Riêng Sở Kế hoạch và Đầu tư 02 người.

3.2.3. Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Bộ phận Một cửa tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

a) Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố với mức phụ cấp không quá 500.000 đồng/người/tháng. Số lượng không quá 6 người/ đơn vị (trong đó có 01 người làm công nghệ thông tin).

b) Hỗ trợ cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân xã, phường,thị trấn:

- Đơn vị hành chính cấp xã loại 1và các thị trấn: Số lượng không quá 5 người và mức hỗ trợ mức phụ cấp không quá 400.000 đồng/người/tháng

- Đơn vị hành chính cấp xã loại 2 và 3: Số lượng không quá 4 người/ đơn vị và hỗ trợ mức phụ cấp không quá 400.000 đồng/người/tháng.

Mức hỗ trợ này không được tính để đóng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các khoản khác theo quy định.

3.3.Thời gian vàphạm viáp dụng

- Thời gian: Từ 1/7/2020- đến 31/12/2025

- Địa điểm triển khai Đề án: Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

# II. KINH PHÍ

**1. Kinh phí hỗ trợ cho cán bộ, công chức đang thực hiện theo Nghị quyết 37/2016/NQ-HĐND tỉnh và Quyết định 497/QĐ-UBND tỉnh:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **Đơn vị** | Số cơ quan, đơn vị | Số người đc trả | Tổng số người đc hưởng phụ cấp | Số tiền phụ cấp | **Tổng kinh phí** | **Ghi chú** |
| 1 | Cơ quan chuyên môn UBND tỉnh | 20 | 2 | 40 | 300,000 | 144,000,000 |  |
| 2 | Bộ phận Một cửa cấp huyện | 9 | Từ 3 đến 7 người | 31 | 300,000 | 111,600,000 | *H.đảo Cồn Cỏ chưa thành lập BP Một cửa* |
| 3 | Bộ phận Một cửa cấp xã | 141 |  | 577 | 600000 | 2,077,200,000 |  |
| 3.1 | Thị trấn, Phường (nơi có nhiều TTHC) | 13 | 5 | 65 | 300,000 | 234,000,000 | (bố trí 5 người) |
| 3.2 | Các đơn vị hành chính cấp xã còn lại (*bố trí 4 người*) | 128 | 4 | 512 | 300,000 | 1,843,200,000 |  |
|  | **Tổng cộng (1+2+3)** | **170** |  | **648** |  | **2,332,800,000** |  |

***Bằng chữ***: Hai tỷ, batrăm ba mươi hai triệu,tám trăm ngàn đồng.

**2. Kinh phí dự kiến hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức, lao động theo Đề án hiện tại:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **Đơn vị** | Số cơ quan, đơn vị | Số người đc trả | Số tiền trả | **Tổng số kinh phí 1 năm** | **Ghi chú** |
| 1 | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | 1 | 8 | 600,000 | 57,600,000 |  |
| 2 | Công chức thuộc cơ quan chuyên môn UBND tỉnh cử đến TTPVHCC | 18 | 19 | 600,000 | 136,800,000 | *- Mỗi cơ quan cử 01 người (không bao gồm Thanh tra tỉnh và Ban Dân tộc);*  *- Sở KH&ĐT cử 2 người.* |
| 3 | Công chức, viên chức Bộ phận Một cửa cấp huyện | 9 | 54 | 500,000 | 324,000,000 | *H.đảo Cồn Cỏ không thành lập BP Một cửa* |
| 4 | Cán bộ, công chức Bộ phận Một cửa cấp xã | 125 | 531 | 400,000 | 2,548,800,000 |  |
| *4.1* | *Thị trấn và đơn vị cấp xã loại 1 (bố trí 5 người)* | *31* | *155* | *400,000* | *744,000,000* | *Bố trí 5 người* |
| *4.2* | *Các đơn vị hành chính cấp xã còn lại (bố trí 4 người)* | *94* | *376* | *400,000* | *1,804,800,000* |  |
| 4.3 | **Tổng cộng (1+2+3+4)** | **153** | **622** |  | **3,067,200,000** |  |

***Bằng chữ***: Ba tỷ, không trăm sáu bảy triệu, hai trăm ngàn đồng.

***Ghi chú:*** Từ 1/8/2019 Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh đi vào hoạt động và từ ngày 01/01/2020 tỉnh Quảng Trị đã đã giảm 16 đơn vị hành chính cấp xã (theo Nghị quyết số 832/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tỉnh Quảng Trị).

**3. So sánh kinh phí khi thực hiện Đề án được phê duyệt**(*trong 1 năm so với kinh phí đang thực hiện cho cán, bộ công chức bộ phận Một cửa***):**

**3,067,200,000 đ –2,332,800,000 đ = 734,400,000 đ**

***Bằng chữ***: Tám trăm hai mươi bốn triệu, bốntrăm ngàn đồng.

# III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

Khi đề án được thông qua sẽ có tác động:

* Tác động về xă hội: Động viên, kích lệ tinh thần làm việc cho đội ngũ tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp sẽ góp phần đẩy nhanh việc giải quyết các hồ sơ thủ tực hành chính, giúp tiết kiệm về thời gian, chi phí của người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính với cơ quan nhà nước; tăng mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp, tăng vị trí xếp hạng các chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quan trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), khuyến khích đầu tư vào tỉnh Quảng Trị.

- Tác động về chuyên môn: Giảm được số người hưởng phụ cấp tại các Sở, ban, ngành giảm 21 người (Thanh tra tỉnh 2 người, Ban Dân tộc 2 người, các sở khác giảm 1 người, riêng Sở KH&ĐT không giảm), do trước đây mỗi sở, ban ngành được bố trí và hưởng phụ cấp 2 người, khi thành lập Trung tâm nay chỉ còn 1 người về Trung tâm làm việc) và có thể giảm hơn khi sắp xếp lại các lô, quầy tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm đối với các sở, ban có số hồ sơ tiếp nhận ít).

Tăng số lượng người được hưởng làm việc tại Trung tâm Bộ phận Một cửa cấp xã và cấp huyện từ 3 người lên 4 và 5 người được hưởng phụ cấp giúp đủ nhân lực để nhanh chóng giải quyết các TTHC cho người dân cơ sở, tạo mức hài lòng cao; đồng thời phù hợp với khối lượng công việc, sự phát triển công nghệ (người làm công nghệ thông tin) và mức độ khó khăn về địa bàn theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã và sắp xếp lại đơn vị hành chính.

* Tác động về kinh tế

Người làm tại Bộ phận Một cửa giúp tiết kiệm thời gian, đi lại của người dân.

Tuy ngân sách nhà nước phải chi thêm (trên bảy trăm triệu đồng) nhưng đối tượng được hưởng được nhận phụ cấp cao hơn sẽ là động lực động viên,khuyến khích tinh thần làm việc hiệu quả hơn, hạn chế tiêu cực, qua đó nâng cao hình ảnh, uy tín của chính quyền của dân, do dân và vì dân

* Tác động về TTHC: Không phát sinh thủ tục hành chính.
* Tác động đối với hệ thống pháp luật: Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp theo quy định và không làm ảnh hưởng đến bộ máy nhà nước.

# 

**Phần thứ ba**:

# TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án *"Chính sách đặc thù hỗ trợ phụ cấp Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, bộ phận tiếp nhận & trả kết quả các Sở ban ngành cấp tỉnh, bộ phận tiếp nhận & trả kết quả cấp huyện và cấp xã",* kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, phân công nhiệm vụ như sau:

## 1. Văn phòng UBND tỉnh

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấphuyện, xã rà soát, đánh giá quy định hành chính, TTHC để kiến nghị đơn giản hóa theo thẩm quyền, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong quá trình giao dịch.

- Tổng hợp danh sách công chức, viên chức chính thức và dự phòng do các cơ quan chuyên môn cử đến làm việc tại TTPVHCC tỉnh,Bộ phận Một cửacấp huyện, cấp xã trìnhUBND tỉnh phê duyệt các chế độ chính sách đặc thù như: Đồng phục, phụ cấp hằng tháng…

- Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động TTPVHCC tỉnh Quảng Trị theo Quyết định ban hành và theo quy định của pháp luật. Đồng thời rà soát, đề xuất các cơ quan thuộc ngành dọc có TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm.

- Thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ, hỗ trợ giám sát việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với các sở, ban ngành khác trong việc thực hiện các giải pháp kết nối các TTHC liên thôngtrong quá trình giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân; không để xảy ra tình trạng trễ, sai sót hồ sơ TTHC vì nguyên nhân không thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp.

- Thực hiện tốt công tác tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ tịch UBND tỉnh; thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai hiệu quả dịch vụ Bưu chính công ích trong TN&TKQhồ sơ TTHC trên địa bàn tỉnh, chú trọng tập trung các TTHC liên thông.

- Chủ trì tổ chức khảo sát, đánh giá, tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết công tác giải quyết TTHC định kỳ đối với 20 đơn vị cấp tỉnh; 9 đơn vị cấp huyện, thị xã, thành phố và 141 xã, phường, thị trấn (cấp qua TTPVHCC tỉnh)

- Căn cứ vào các nhu cầu thực tế hằng năm, lập dự án đề xuất bổ sung các thiết bị công nghệ thông tin cần thiết; nâng cấp hệ thống các phần mềm nhằm đáp ứng phục vụ tốt nhất tại bộ phận Một cửa các cấp.

- Cải tiến, sắp xếp và đề xuất mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công gọn, chuyên nghiệp (Sắp xếp lại các lô theo nhóm các sở để tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ; hoặc đề xuất giao hẳn biên chế cho Trung tâm để Trung tâm thực hiện hiện Tiếp nhận và trả kết quả cho tất cả các sở, ban, ngành ....).

## 2. Sở Nội vụ

- Chủ trì triển khai thực hiện Đề án (sau khi có Nghị quyết của HĐND tỉnh phê duyệt). Phối hợp với các cơ quan, đơn vị hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Đề án này tại các cơ quan, đơn vị khi Đề án được phê duyệt; phối hợp với các đơn vị có liên quan kịp thời xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh.

- Tham mưu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh để nâng mức phụ cấp cho công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu, trình UBND tỉnhsắp xếp, bố trí biên chế Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

- Tham mưu cho UBND tỉnh kế hoạch lồng ghép việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Đề án vào việc đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện,xã hàng năm.

## 3. Sở Tài chính

- Chủ trì,Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị tiến hành thẩm định và dự toán kinh phí thực hiện Đề án tại các cơ quan, đơn vị.

- Bố trí ngân sách tỉnh để thực hiện Đề án. Hướng dẫnVăn phòng UBND tỉnh (TTPVHCCtỉnh) và các cơ quan, đơn vị trong việc đề xuất lập dự toán liên quan.

- Thực hiện kiểm tra tài chính trong việc thực hiện Đề án; tổng hợp tình hình cấp phát kinh phí và duyệt quyết toán kinh phí theo quy định.

## 4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh xây dựng kế hoạch đẩy mạnh việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Hướng dẫn các cơ quan báo chí, cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền sâu rộng đến các tổ chức và công dân về tổ chức và hoạt động của TTPVHCCtỉnh, bộ phận Một cửa cấp huyện, xã trong giải quyết TTHC.

## 5. Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, xã; các cơ quan của Trung ương tổ chức theo ngành dọc liên quan

- Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện Đề án tại cơ quan, đơn vị khi được HĐND tỉnh thông qua và Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo tiến độ thực hiện Đề án;

- UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ đề án, Nghị quyết HĐND tỉnh và UBND tỉnh lập kế hoạch, bố trí trí ngân sách huyện triển khai các hoạt động theo nội dung được phê duyệt.Ban hành quyết định bố trí số lượng và chi trả phụ cấp đúng theo quy định của HĐND tỉnh và UBND tỉnh.

- Kiểm tra, rà soát đầy đủ, chính xác TTHC của cơ quan, đơn vị, phục vụ cho việc triển khai Đề án thông suốt. Đảm bảo 100% số lượng TTHC được thực hiện TN&TKQtại Bộ phận 1 cửa (trừ một số TTHC mang tính đặc thù).

- Tiếp tục rà soát, đánh giá các quy định hành chính, TTHC, quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết của cấp mình và cấp dưới để kiến nghị các cơ quan cấp trên đơn giản hóa theo thẩm quyền, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong quá trình giao dịch.

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ đối với công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC theo hướng đổi mới về nội dung, phương pháp, hình thức kiểm tra (kết hợp kiểm tra thường xuyên, định kỳ với kiểm tra đột xuất), trong đó chú trọng vào ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân và chất lượng giải quyết thủ tục hành chính. Qua đó, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, thiếu sót và làm rõ trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan để xảy ra vi phạm.

- Tăng cường hoạt động tư vấn, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp về thủ tục hành chính. Bố trí đường dây nóng, tổng đài tư vấn, tổng đài sẽ tự động kết nối trực tiếp đến các số máy liên quan đến lĩnh vực TTHC đặt tại các phòng, ban chuyên môn để trả lời cho người dân, doanh nghiệp, đồng thời chủ động tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của người dân để kịp thời, cung cấp thông tin hoặc giải quyết cho người dân, tổ chức.

- Thực hiện nghiêm túc việc công khai TTHC, thời gian làm việc, họ tên, chức danh công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ, thông tin đường dây nóng tại Bộ phận Một cửa.

- Lựa chọn, bố trícông chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửalà những người có kinh nghiệm, chuyên môn vững vàng, có tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao trong thực thi nhiệm vụ, thường xuyên được tập huấn các kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn.

- Tổ chức giải quyết hồ sơ TTHC đúng thời gian quy định.

## 6. Báo Quảng Trị, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Trang thông tin điện tử tỉnh

Tuyên truyền, giới thiệu rộng rãi về mô hình, hoạt động, các TTHC thực hiện tại TTPVHCC tỉnh; bộ phận Một cửa hồ sơ TTHC cấp huyện, xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**KẾT LUẬN**

Việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án “**Chính sách đặc thù hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025**” là hết sức cần thiết nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đối với tổ chức, cá nhân trong việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính. Đề án sẽ góp phầnđộng viên cán bộ, công chức là, việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã nâng cao năng suất lao động, thực hiện hiệu quả hơn trong tiếp nhận, giải quyết các TTHC và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, đảm bảo sự công khai, minh bạch.

Thực hiện đề án sẽ góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và dịch vụ công, tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp, tổ chức khi thực hiện các thủ tục hành chính với cơ quan nhà nước, cải thiện và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh tạo bước chuyển biến cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trên đây là nội dung Đề án “Chính sách đặc thù hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025”, Ủy ban nhân tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH** |

# 

# PHỤ LỤC 1

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI,**

**THẦM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND TỈNH**

*(Từ ngày 16 tháng 12 năm 2018 đến ngày 15 tháng 12 năm 2019)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực, công việc giải quyết theo đơn vị** | **Số hồ sơ nhận giải quyết** | | | | **Kết quả giải quyết** | | | | | | **Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa** | | | |
| **Tổng số** | **Trong đó** | | | **Số hồ sơ đã giải quyết** | | | **Số hồ sơ đang giải quyết** | | | **Tổng số** | **Đã giải quyết** | | **Đang giải quyết** |
|
| **Số mới tiếp nhận trực tuyến** | **Số kỳ trước chuyển qua** | **Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)** | **Tổng số** | **Trả đúng thời hạn** | **Trả quá hạn** | **Tổng số** | **Chưa đến hạn** | **Quá hạn** | **Đúng thời hạn** | **Quá hạn** |
|
|
|
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* |
| 1 | Sở Tư pháp | 25811 | 18 | 470 | 25323 | 24907 | 24849 | 58 | 904 | 878 | 26 | 5622 | 4851 | 58 | 713 |
| 2 | Sở Lao động thương binh và Xã hội | 2411 | 1 | 116 | 2294 | 2294 | 2294 | 0 | 117 | 117 | 0 | 2411 | 2294 | 0 | 117 |
| 3 | Sở Tài nguyên và Môi trường | 445 | 61 | 22 | 362 | 393 | 385 | 8 | 52 | 50 | 2 | 445 | 385 | 8 | 52 |
| 4 | Sở Công thương | 1020 | 820 | 10 | 190 | 1007 | 1007 | 0 | 13 | 13 | 0 | 1020 | 1007 | 0 | 13 |
| 5 | Sở Nội vụ | 107 | 0 | 0 | 107 | 80 | 80 | 0 | 27 | 27 | 0 | 107 | 80 | 0 | 27 |
| 6 | Thanh tra tỉnh | 27 | 27 | 0 | 0 | 26 | 26 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Sở Thông tin, Truyền thông | 102 | 76 | 0 | 26 | 102 | 101 | 1 | 0 | 0 | 0 | 102 | 101 | 1 | 0 |
| 8 | Sở Y tế | 437 | 0 | 22 | 415 | 415 | 412 | 3 | 22 | 22 | 0 | 437 | 412 | 3 | 22 |
| 9 | Sở Xây dựng | 999 | 3 | 204 | 792 | 966 | 951 | 15 | 33 | 32 | 1 | 999 | 951 | 15 | 33 |
| 10 | Sở Khoa học và Công nghệ | 48 | 15 | 0 | 33 | 46 | 46 | 0 | 2 | 2 | 0 | 48 | 46 | 0 | 2 |
| 11 | Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch | 435 | 351 | 0 | 84 | 435 | 434 | 1 | 0 | 0 | 0 | 435 | 434 | 1 | 0 |
| 12 | Sở Nông nghiệp và PTNT | 6433 | 47 | 1 | 6385 | 6395 | 6395 | 0 | 38 | 38 | 0 | 6433 | 6395 | 0 | 38 |
| 13 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 451 | 43 | 10 | 398 | 428 | 427 | 1 | 23 | 23 | 0 | 451 | 427 | 1 | 23 |
| 14 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 2269 | 415 | 0 | 1854 | 2251 | 2251 | 0 | 18 | 18 | 0 | 2269 | 2251 | 0 | 18 |
| 15 | Sở Giao thông vận tải | 17138 | 0 | 0 | 17138 | 16827 | 16827 | 0 | 311 | 311 | 0 | 17138 | 16827 | 0 | 311 |
| 16 | Sở Tài chính | 1613 | 1194 | 3 | 416 | 1613 | 1613 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1613 | 1613 | 0 | 0 |
| 17 | Ban Dân tộc | 4 | 0 | 0 | 4 | 4 | 4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 4 | 0 | 0 |
| 18 | Sở Ngoại vụ | 369 | 0 | 0 | 369 | 369 | 369 | 0 | 0 | 0 | 0 | 369 | 369 | 0 | 0 |
| 19 | Ban quản lý Khu kinh tế tinh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 19 | Văn phòng UBND tỉnh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** | | **60119** | **3071** | **858** | **56190** | **58558** | **58471** | **87** | **1561** | **1532** | **29** | **39903** | **38447** | **87** | **1369** |

# PHỤ LỤC 2

**KẾT QUẢ**

**Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính tỉnh Quảng Trị**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị** | **2015** | **2016** | **2017** | **2018** | **2019** | **6 tháng năm 2020** |
| 1 | **Các sở, ban, ngành**  (*Tiếp nhận/trả kết quả đúng hẹn/tỷ lệ đúng hẹn*) | 48,219  47,806  *99,14%* | 92,978  92,574  *99,56%* | 64,096  63,507  *99,08%* | 59,747  59,595  *99,74%* | 60,119  60,003  *99,8%* | 14,953  14,891  *99,58%* |
| 2 | **Cấp huyện**  (*Tiếp nhận/trả kết quả đúng hẹn/tỷ lệ đúng hẹn*) | 63,676  62,377  *97,95%* | 64,066  63,869  *99,69%* | 45,571  45,399  *99,62%* | 34,899  34,225  *98,06%* | 46,704  44,562  *95,41%* | 11,271  11,120  *98,66%* |
| 3 | **Cấp xã**  (*Tiếp nhận/trả kết quả đúng hẹn/tỷ lệ đúng hẹn*) | 237,162  237,053  *99,9%* | 370,749  370,690  *99,98%* | 441,091  441,050  *99,99%* | 296,698  295,458  *99,58%* | 448,727  445,489  *99,27%* | 95,332  94,993  *99,64%* |
|  | **Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận** | **349,057** | **527,793** | **550,758** | **364,344** | **561,550** | **212,556** |

# PHỤ LỤC 3

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI,**

**THẦM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

(9/10 đơn vị: TP Đông Hà, thị xã Quảng Trị, Gio Linh, Vĩnh Linh, Đakrông, Cam Lộ, Hướng Hóa, Triệu Phong, Hải Lăng)

*(Từ ngày 16 tháng 12 năm 2018 đến ngày 15 tháng 12 năm 2019)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp** | **Số hồ sơ nhận giải quyết** | | | | **Kết quả giải quyết** | | | | | | **Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa** | | | |
| **Tổng số** | **Trong đó** | | | **Số hồ sơ đã giải quyết** | | | **Số hồ sơ đang giải quyết** | | | **Tổng số** | **Đã giải quyết** | | **Đang giải quyết** |
|
| **Số mới tiếp nhận trực tuyến** | **Số kỳ trước chuyển qua** | **Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)** | **Tổng số** | **Trả đúng thời hạn** | **Trả quá hạn** | **Tổng số** | **Chưa đến hạn** | **Quá hạn** | **Đúng thời hạn** | **Quá hạn** |
|
|
|
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* |
| 1 | Lĩnh vực Tư pháp | 10066 | 0 | 2 | 10064 | 10064 | 10056 | 8 | 2 | 2 | 0 | 10066 | 10056 | 8 | 2 |
| 2 | Lĩnh vực Y tế | 67 | 0 | 0 | 67 | 65 | 58 | 7 | 2 | 0 | 2 | 67 | 58 | 7 | 2 |
| 3 | Lĩnh vực Giáo dục- Đào tạo | 100 | 0 | 0 | 100 | 100 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 84 | 84 | 0 | 0 |
| 4 | Lĩnh vực Lao động TB &XH | 6164 | 0 | 129 | 6035 | 5947 | 5805 | 142 | 217 | 187 | 30 | 5189 | 4830 | 142 | 217 |
| 5 | Lĩnh vực Khiếu nại- Tố cáo | 2 | 0 | 0 | 2 | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 0 | 2 | 1 | 0 | 1 |
| 6 | Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường | 23636 | 0 | 803 | 22833 | 22251 | 20576 | 1675 | 1385 | 1193 | 192 | 23623 | 20563 | 1675 | 1385 |
| 7 | Lĩnh vực nội vụ | 1853 | 0 | 3 | 1850 | 1850 | 1850 | 0 | 3 | 3 | 0 | 1853 | 1850 | 0 | 3 |
| 8 | Lĩnh vực Tài chính | 1321 | 0 | 19 | 1302 | 1277 | 1277 | 0 | 44 | 44 | 0 | 1321 | 1277 | 0 | 44 |
| 9 | Lĩnh vực Xây dựng | 2161 | 0 | 20 | 2141 | 2075 | 2014 | 61 | 86 | 82 | 4 | 2135 | 1988 | 61 | 86 |
| 10 | Lĩnh vực Văn hóa, Thông tin | 90 | 2 | 0 | 88 | 86 | 85 | 1 | 4 | 4 | 0 | 90 | 85 | 1 | 4 |
| 11 | Lĩnh vực Công thương | 28 | 0 | 2 | 26 | 26 | 14 | 12 | 2 | 0 | 2 | 28 | 14 | 12 | 2 |
| 13 | Lĩnh vực Thành lập và phát triển doanh nghiệp-LMHthị xã | 1216 | 1 | 1 | 1214 | 1213 | 1208 | 5 | 3 | 2 | 1 | 1216 | 1208 | 5 | 3 |
| **Tổng số** | | **46704** | **3** | **979** | **45722** | **44955** | **43044** | **1911** | **1749** | **1518** | **231** | **45674** | **42014** | **1911** | **1749** |

# PHỤ LỤC 4

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI,**

**THẦM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

*(Từ ngày 16 tháng 12 năm 2018 đến ngày 15 tháng 12 năm 2019)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp** | **Số hồ sơ nhận giải quyết** | | | | **Kết quả giải quyết** | | | | | | **Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa** | | | |
| **Tổng số** | **Trong đó** | | | **Số hồ sơ đã giải quyết** | | | **Số hồ sơ đang giải quyết** | | | **Tổng số** | **Đã giải quyết** | | **Đang giải quyết** |
|
| **Số mới tiếp nhận T. tuyến** | **Số kỳ trước chuyển qua** | **Số tiếp nhận (trực tiếp hoặc DVBC)** | **Tổng số** | **Trả đúng thời hạn** | **Trả quá hạn** | **Tổng số** | **Chưa đến hạn** | **Quá hạn** | **Đúng thời hạn** | **Quá hạn** |
|
|
|
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* |
| 1 | Lĩnh vực Văn hóa, Lao động TB và XH | 17,311 | 0 | 104 | 17,207 | 17,002 | 16,938 | 74 | 309 | 303 | 6 | 17,311 | 16,928 | 76 | 307 |
| 2 | Lĩnh vực Tư pháp | 318,802 | 0 | 22 | 318780 | 318766 | 317999 | 767 | 36 | 18 | 18 | 318,802 | 317,994 | 767 | 36 |
| 3 | Lĩnh vực Nội vụ | 842 | 0 | 1 | 841 | 842 | 842 | 0 | 0 | 0 | 0 | 842 | 842 | 0 | 0 |
| 4 | Lĩnh vực Khiếu nại, tố cáo | 291 | 0 | 3 | 288 | 276 | 276 | 0 | 15 | 15 | 0 | 291 | 276 | 0 | 15 |
| 5 | Lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường | 4658 | 0 | 335 | 4323 | 4532 | 4452 | 80 | 126 | 81 | 45 | 4658 | 4452 | 80 | 126 |
| 6 | Khác | 103,823 | 0 | 0 | 0 | 104,309 | 104,982 | 0 | 0 | 0 | 0 | 103,823 | 104,997 |  |  |
| **Tổng số** | | **445,727** | **0** | **465** | **341,439** | **445,727** | **445,489** | **921** | **486** | **417** | **69** | **445,727** | **445,489** | **923** | **484** |

# PHỤ LỤC 5

**SỐ LƯỢNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TẠI TTPVHCC TỈNH VÀ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ VÀ XÃ PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị** | **Bộ phận** | **Số người theo quy định tại QĐ 497** | **[Số người theo định mức Đề án](file:///D:\\TAILIEU_VJNH\\So%20Lieu\\CAI%20CACH%20HANH%20CHINH\\DA%20Ho%20tro%20TN%20TKQ\\DA_%202020\\Bang%20so%20lieu.xlsx" \l "RANGE!A37)** | **Kinh phí/năm (số người theo QĐ 497)** | **Kinh phí/năm (số người theo Đề án)** | **GHI CHÚ** |
| **A.** | **Cấp tỉnh** | **40** | **27** | **144,000,000** | **194,400,000** | Có thể giảm khi sắp xếp các lô, quầy TN&TKQ tại Trung tâm PVHVV tỉnh |
| 1. | TTPVHCC tỉnh | 0 | 8 | 0 | 57,600,000 |  |
| 2 | Văn phòng UBND tỉnh | 2 | 1 | 7,200,000 | 7,200,000 |  |
| 3 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 2 | 2 | 7,200,000 | 14,400,000 |  |
| 4 | Sở Tư pháp | 2 | 1 | 7,200,000 | 7,200,000 |  |
| 5 | Sở Nông nghiệp và PTNT | 2 | 1 | 7,200,000 | 7,200,000 |  |
| 6 | Sở Giao thông vận tải | 2 | 1 | 7,200,000 | 7,200,000 |  |
| 7 | Sở Laođộng, TB và Xã hội | 2 | 1 | 7,200,000 | 7,200,000 |  |
| 8 | Sở Tài nguyên và Môi trường | 2 | 1 | 7,200,000 | 7,200,000 |  |
| 9 | Sở Công thương | 2 | 1 | 7,200,000 | 7,200,000 |  |
| 10 | Sở Nội vụ | 2 | 1 | 7,200,000 | 7,200,000 |  |
| 11 | Sở Ngoại vụ | 2 | 1 | 7,200,000 | 7,200,000 |  |
| 12 | Sở Thông tin, Truyền thông | 2 | 1 | 7,200,000 | 7,200,000 |  |
| 13 | Sở Y tế | 2 | 1 | 7,200,000 | 7,200,000 |  |
| 14 | Sở Xây dựng | 2 | 1 | 7,200,000 | 7,200,000 |  |
| 15 | Sở Khoa học và Công nghệ | 2 | 1 | 7,200,000 | 7,200,000 |  |
| 16 | Sở Văn hóa,TT và Du lịch | 2 | 1 | 7,200,000 | 7,200,000 |  |
| 17 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 2 | 1 | 7,200,000 | 7,200,000 |  |
| 18 | Sở Tài chính | 2 | 1 | 7,200,000 | 7,200,000 |  |
| 19 | Ban QL Khu kinh tế | 2 | 1 | 7,200,000 | 7,200,000 |  |
| 20 | Ban Dân tộc | 2 | 0 | 7,200,000 | 0 |  |
| 21 | Thanh tra tỉnh | 2 | 0 | 7,200,000 | 0 |  |
| **B** | **9 huyện/thị xã/thành phố** | **608** | **585** | **2,188,800,000** | **2,872,800,000** |  |
| **1** | Tại BP Một cửa UBND huyện, thị xã, thành phố (9 đơn vị) | 31 | 54 | 111,600,000 | 324,000,000 | Theo QĐ 497: TP Đông Hà được bố trí 7 người; các đơn vị khác 3 người |
| **2** | Tại BP Một cửa UBND xã, phường, thị trấn | 577 | 531 | **2,077,200,000** | **2,548,800,000** | Theo QĐ 497: các đơn vị có nhiều TTHC được bố trí 5 người; các đơn vị khác 3 người |
| 2.1 | *Đơn vị bố trí 5 người (13 đơn vị)* | 65 | 155 | 234,000,000 | 744,000,000 |  |
| 2.2 | *Đơn vị bố trí 3 người theo QĐ 497 và 4 người theo Đề án mới)* | 512 | 376 | 1,843,200,000 | 1,804,800,000 |  |
|  | **Tổng cộng A+B** | **648** | **612** | **2,332,800,000** | **3,067,200,000** |  |

# PHỤ LỤC

Contents

[PHỤ LỤC 1](#_Toc40685416)

[TỪ VIẾT TẮT 3](#_Toc40685417)

[Phần thứ nhất: 4](#_Toc40685418)

[SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN 4](#_Toc40685419)

[I. Sự cần thiết xây dựng Đề án 4](#_Toc40685420)

[II. Căn cứ để xây dựng Đề án 4](#_Toc40685421)

[1. Căn cứ pháp lý 4](#_Toc40685422)

[2. Căn cứ thực tiễn 6](#_Toc40685423)

[III. Thực trạng, hạn chế và khó khăn: 8](#_Toc40685424)

[1. Thực trạng việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC 8](#_Toc40685425)

2. Số lượng người làm việc tại TTPVHCC và Bộ phận Một cửa  [9](#_Toc40685425)

[3](#_Toc40685426). Hạn chế, khó khăn ............................................10

[Phần thứ hai: 12](#_Toc40685427)

[NỘI DUNG ĐỀ ÁN 12](#_Toc40685428)

[I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN 12](#_Toc40685429)

[1. Mục tiêu tổng quát 12](#_Toc40685430)

[2. Mục tiêu cụ thể 12](#_Toc40685431)

[3. Đối tượng, phạm vi và thời gian áp dụng 13](#_Toc40685432)

[II. KINH PHÍ 13](#_Toc40685433)

1. [Kinh phí theo QĐ 497 13](#_Toc40685436)
2. [Kinh phí theo Đề án mới](#_Toc40685436) 14
3. So sánh kinh phí khi thực hiện đề án 15

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN 15

[Phần thứ ba: 16](#_Toc40685437)

[TỔ CHỨC THỰC HIỆN 16](#_Toc40685438)

[1. Văn phòng UBND tỉnh 16](#_Toc40685439)

[2. Sở Nội vụ 17](#_Toc40685440)

[3. Sở Tài chính 17](#_Toc40685441)

[4. Sở Thông tin và Truyền thông 17](#_Toc40685442)

[5. Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, xã; các cơ quan của Trung ương tổ chức theo ngành dọc liên quan 18](#_Toc40685443)

[6. Báo Quảng Trị, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Trang thông tin điện tử tỉnh 19](#_Toc40685444)

[PHỤ LỤC 1 20](#_Toc40685445)

[PHỤ LỤC 2 22](#_Toc40685446)

[PHỤ LỤC 3 23](#_Toc40685447)

[PHỤ LỤC 4 25](#_Toc40685448)

[PHỤ LỤC 5 26](#_Toc40685449)

[PHỤ LỤC 6 27](#_Toc40685450)

# TỪ VIẾT TẮT

- CBMC: Công chức viên chức làm việc ở bộ phận tiếp nhận

và trả kết quả

- CCHC: Cải cách hành chính.

- DVC: Dịch vụ công

- MCĐT: Một cửa điện tử

- PAPI: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh

- PAR INDEX: Chỉ số Cải cách hành chính

- PCI: Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh

- SIPAS: Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với

sự phục vụ của các cơ quan nhà nước

- TN&TKQ: Tiếp nhận và trả kết quả

- TTHC: Thủ tục hành chính

- Trung tâm PVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh